

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIẢM TRỪ GIA CẢNH

Dành cho CBNV ký HĐLĐ chính thức (tính cả thời gian thử việc)
KHÔNG bao gồm HĐ dịch vụ, HĐ đào tạo nghề

MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA

- NPT: Người phụ thuộc
- NNT: Người nộp thuế
- MST: Mã số thuế

1. Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ: (sau đây gọi tắt là "TĐBĐ") là thời điểm phát sinh việc nuôi dưỡng người phụ thuộc của người nộp thuế, nhưng không sớm hơn tháng 01 của năm tính thuế, không sớm hơn tháng phát sinh thu nhập đầu tiên tại công ty và không bao gồm thời gian đăng ký tại công ty cũ (nếu có)

2. Người khuyết tật, không có khả năng lao động: là những người thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về người khuyết tật, người mắc bệnh không có khả năng lao động như bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn...

3. Người không nơi nương tựa: là người sống độc thân, không có hoặc không còn thân nhân hoặc thân nhân nằm ngoài độ tuổi lao động/mất khả năng lao động

4. Số lượng người phụ thuộc: **01**  → Có thể có nhiều  miễn là Người phụ thuộc thỏa mãn bảng điều kiện

Trong **01** năm tính thuế: **01**  → **01**  và **01**  Công ty
(năm Dương lịch)
Chỉ được tính giảm trừ 01 lần vào 01 Người nộp thuế và tại 01 nơi

Nếu **01**  có  **01**  **02**  ...
thu nhập từ 02 nơi trở lên → Chỉ được tính giảm trừ tại 1 công ty duy nhất

LƯU Ý BẮT BUỘC

1. Cần cung cấp mã số thuế NPT tại form khai 07/ĐK-NPT-TNCN khi thuộc 1 trong 2 trường hợp sau:

- TH1: NPT đã từng được đăng ký theo CBNV tại công ty cũ
- TH2: NPT đã từng được đăng ký theo người thân khác, bắt buộc phải làm thủ tục báo ngắt NPT theo người thân khác trước khi nộp hồ sơ tại FSOF

2. Cách tra cứu thông tin Mã số thuế của Người phụ thuộc:

- Cách 1: Liên hệ với HR công ty cũ
- Cách 2: Tra cứu trên eTax (Tiện ích -> Tra cứu thông tin Người phụ thuộc). Nếu chưa có tài khoản eTax thì cần làm thủ tục đăng ký rồi mới có thể đăng nhập/tra cứu (Hướng dẫn [TẠI ĐÂY](#))

3. Chứng minh thu nhập NPT: Người nộp thuế không cần nộp giấy tờ để chứng minh nhưng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kê khai của mình

4. Đối với NPT có quốc tịch nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài: Thay thế Giấy khai sinh, CMT/CCCD bằng bản photo công chứng **HỘ CHIẾU CÒN HẠN**

5. CBNV chuyển giữa các pháp nhân hoặc tái tuyển **bắt buộc** nộp lại hồ sơ đăng ký NPT từ đầu

ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

ĐỐI TƯỢNG 1: CON (Con đẻ, con nuôi hợp pháp, con ngoài giá thú, con riêng của vợ, con riêng của chồng)

Con dưới 18 tuổi



Do người nộp thuế nuôi dưỡng

+



Không có thu nhập



Thu nhập bình quân/ tháng/năm từ mọi nguồn ≤ 1 triệu VND

Thời điểm tính giảm trừ

TĐBĐ (Thời điểm bắt đầu) sớm nhất có thể là từ tháng con sinh, nhưng không sớm hơn tháng 01 của năm tính thuế, không sớm hơn tháng phát sinh thu nhập từ HĐLĐ chính thức đầu tiên tại công ty.

Ví dụ 1:

A ký HĐLĐ chính thức

Con sinh

A nộp hồ sơ

11/2022

11/2022

03/2023

→ TĐBĐ sớm nhất:

01/2023

Ví dụ 2:

A ký HĐLĐ chính thức

Con sinh

A nộp hồ sơ

03/2023

11/2022

04/2023

→ TĐBĐ sớm nhất:

03/2023

Hồ sơ chứng minh NPT	
Mô tả	Tình trạng
Mẫu 07/ĐK-NPT-TNCN: <u>TẠI ĐÂY</u> (xem hướng dẫn tại trang 14-17)	 Bản gốc
Giấy khai sinh NPT	 Bản sao y công chứng
Căn cước công dân hoặc CMND NPT (14 - 18 tuổi)	
Nếu là CON NUÔI : QĐ công nhận việc nuôi con nuôi, QĐ công nhận việc nhận cha, mẹ, con nuôi của CQNN có thẩm quyền	

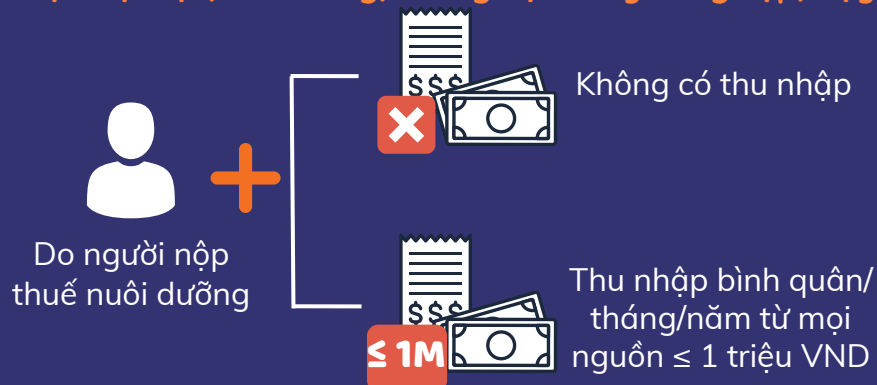
3

ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

ĐỐI TƯỢNG 1: CON (Con đẻ, con nuôi hợp pháp, con ngoài giá thú, con riêng của vợ, con riêng của chồng)

Con từ 18 tuổi trở lên

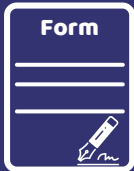
TH1: Điều kiện con ĐANG theo học ở Việt Nam hoặc nước ngoài tại bậc học Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề



TH2: Điều kiện con KHÔNG theo học ở Việt Nam hoặc nước ngoài tại bậc học Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề



Hồ sơ chứng minh NPT

Mô tả	Tình trạng
Mẫu 07/ĐK-NPT-TNCN: <u>TẠI ĐÂY</u> (xem hướng dẫn tại trang 14-17)	 Bản gốc
Giấy khai sinh NPT	 Bản sao y công chứng
Căn cước công dân hoặc CMND NPT còn hạn trong 15 năm	
Nếu là CON NUÔI : QĐ công nhận việc nuôi con nuôi, QĐ công nhận việc nhận cha, mẹ, con nuôi của CQNN có thẩm quyền	
Thẻ sinh viên/ Bản khai có xác nhận của Trường/ Giấy tờ khác chứng minh đang theo học tại Trường (TH1)	
Mẫu <u>07/TTLT37_2012</u> hoặc bản tự khai theo <u>Mẫu 22_XN_TNCN</u> có xác nhận của UBND cấp xã/phường; HOẶC Phiếu khám bệnh trong vòng 6 tháng có xác nhận của y tế cấp huyện trở lên, có KẾT LUẬN tên BỆNH theo danh mục 42 bệnh hiểm nghèo chi tiết tại Trang 13 (TH2)	

Thời điểm tính giảm trừ

TĐBĐ (Thời điểm bắt đầu) sớm nhất có thể là từ tháng con sinh, nhưng không sớm hơn tháng 01 của năm tính thuế, không sớm hơn tháng phát sinh thu nhập từ HĐLĐ chính thức đầu tiên tại công ty.

Ví dụ 1:

A ký HĐLĐ
chính thức **11/2022**
Con sinh **11/2001**
A nộp hồ sơ **03/2023** } → TĐBĐ sớm nhất: **01/2023**

Ví dụ 2:

A ký HĐLĐ
chính thức **03/2023**
Con sinh **11/2001**
A nộp hồ sơ **04/2023** } → TĐBĐ sớm nhất: **03/2023**

Đối tượng 2: CHA MẸ

(Cha/mẹ đẻ; cha dưỡng, mẹ kế; cha nuôi, mẹ nuôi hợp pháp)

Điều kiện NPT

TH1: Trong độ tuổi lao động*



Khuyết tật, không có khả năng lao động

+



Không có thu nhập



Thu nhập bình quân/ tháng từ mọi nguồn ≤ 1 triệu VND

TH2: Ngoài độ tuổi lao động



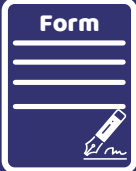
Không có thu nhập

hoặc



Thu nhập bình quân/ tháng từ mọi nguồn ≤ 1 triệu VND

Hồ sơ chứng minh NPT

Mô tả	Tình trạng
Mẫu 07/ĐK-NPT-TNCN: <u>TẠI ĐÂY</u> (xem hướng dẫn tại trang 14-17)	 Bản gốc
Căn cước công dân hoặc CMND NPT còn hạn trong 15 năm	 Bản sao y công chứng
Giấy tờ chứng minh MQH, lựa chọn 1 trong số: - Giấy khai sinh NNT - Sổ hộ khẩu có tên NNT và NPT; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú (CT07);	
Nếu là CHA/MẸ NUÔI : QĐ công nhận việc nhận cha, mẹ, con nuôi của CQNN có thẩm quyền	
Mẫu <u>07/TTLT37_2012</u> hoặc bản tự khai theo <u>Mẫu 22_XN_TNCN</u> có xác nhận của UBND cấp xã/phường; HOẶC Phiếu khám bệnh trong vòng 6 tháng có xác nhận của y tế cấp huyện trở lên, có KẾT LUẬN tên BỆNH theo danh mục 42 bệnh hiểm nghèo chi tiết tại Trang 13 (TH1)	

Thời điểm tính giảm trừ

kể từ khi ký HĐLĐ chính thức

Dựa vào tháng/năm sinh trên CCCD so sánh với bảng độ tuổi nghỉ hưu tại trang 10-12 để xác định tháng bắt đầu tính GTGC (Không sớm hơn tháng 1 của năm tính thuế)

Nếu cha mẹ suy giảm khả năng lao động (đủ tuổi đời + thời gian đóng BHXH)

→ TĐBĐ sớm nhất có thể là từ tháng có kết luận suy giảm +1

Đối tượng 2: CHA MẸ

Cha/mẹ vợ (hoặc cha/mẹ chồng)

Điều kiện NPT

TH1: Trong độ tuổi lao động*



Khuyết tật, không có khả năng lao động

+



Không có thu nhập



Thu nhập bình quân/ tháng từ mọi nguồn ≤ 1 triệu VND

TH2: Ngoài độ tuổi lao động



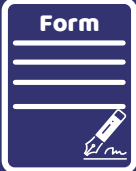
Không có thu nhập

hoặc



Thu nhập bình quân/ tháng từ mọi nguồn ≤ 1 triệu VND

Hồ sơ chứng minh NPT

Mô tả	Tình trạng
Mẫu 07/ĐK-NPT-TNCN: <u>TẠI ĐÂY</u> (xem hướng dẫn tại trang 14-17)	 Bản gốc
Căn cước công dân hoặc CMND NPT còn hạn trong 15 năm	
Giấy tờ chứng minh MQH, lựa chọn 1 trong số: - Giấy khai sinh của vợ/chồng; - Sổ hộ khẩu có tên vợ/chồng và NPT - Giấy xác nhận thông tin về cư trú (CT07)	
Giấy đăng ký kết hôn của vợ/chồng NNT	
Mẫu <u>07/TTLT37_2012</u> hoặc bản tự khai theo <u>Mẫu 22_XN_TNCN</u> có xác nhận của UBND cấp xã/phường; HOẶC Phiếu khám bệnh trong vòng 6 tháng có xác nhận của y tế cấp huyện trở lên, có KẾT LUẬN tên BỆNH theo danh mục 42 bệnh hiểm nghèo chi tiết tại Trang 13 (TH1)	 Bản sao y công chứng

Thời điểm tính giảm trừ

kể từ khi ký HĐLĐ chính thức

Dựa vào tháng/năm sinh trên CCCD so sánh với bảng độ tuổi nghỉ hưu tại trang 10-12 để xác định tháng bắt đầu tính GTGC (Không sớm hơn tháng 1 của năm tính thuế)

Nếu cha mẹ suy giảm khả năng lao động (đủ tuổi đời + thời gian đóng BHXH)

→ TĐBĐ sớm nhất có thể là từ tháng có kết luận suy giảm +1

Đối tượng 3: VỢ hoặc CHỒNG

Điều kiện NPT

TH1: Trong độ tuổi lao động*



Khuyết tật, không có khả năng lao động



Không có thu nhập



Thu nhập bình quân/ tháng từ mọi nguồn ≤ 1 triệu VND

TH2: Ngoài độ tuổi lao động



Không có thu nhập

hoặc



Thu nhập bình quân/ tháng từ mọi nguồn ≤ 1 triệu VND

Hồ sơ chứng minh NPT

Mô tả	Tình trạng
Mẫu 07/ĐK-NPT-TNCN: <u>TẠI ĐÂY</u> (xem hướng dẫn tại trang 14-17)	Form  Bản gốc
Căn cước công dân hoặc CMND NPT còn hạn trong 15 năm	 Bản sao y công chứng
Giấy tờ chứng minh MQH, lựa chọn 1 trong số: - Giấy đăng ký kết hôn; - Sổ hộ khẩu có tên vợ chồng; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú (CT07)	
Mẫu <u>07/TTLT37_2012</u> hoặc bản tự khai theo Mẫu <u>22_XN_TNCN</u> có xác nhận của UBND cấp xã/phường; HOẶC Phiếu khám bệnh trong vòng 6 tháng có xác nhận của y tế cấp huyện trở lên, có KẾT LUẬN tên BỆNH theo danh mục 42 bệnh hiểm nghèo chi tiết tại Trang 13 (TH1)	

*Độ tuổi lao động: Quy định tại Nghị định 135/2020/NĐ-CP (Xem chi tiết tại trang 10-12)

Các cá nhân khác KHÔNG NƠI NƯỚNG TỰA mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng:
Anh/chị/em ruột của NNT; Ông/bà nội; ông/bà ngoại; cô/dì/cậu/chú/bác ruột của NNT; Cháu ruột của người nộp thuế bao gồm: con của anh/chị/em ruột và Người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật

Điều kiện NPT

Điều kiện 1: Không nơi nương tựa và NNT đang phải trực tiếp nuôi dưỡng

Điều kiện 2:

TH1: Trong độ tuổi lao động*



Khuyết tật, không có khả năng lao động



Không có thu nhập



Thu nhập bình quân/ tháng từ mọi nguồn ≤ 1 triệu VND

TH2: Ngoài độ tuổi lao động



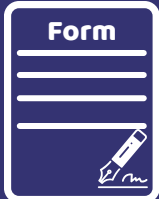
Không có thu nhập

hoặc



Thu nhập bình quân/ tháng từ mọi nguồn ≤ 1 triệu VND

Hồ sơ chứng minh NPT

Mô tả	Tình trạng
Mẫu 07/ĐK-NPT-TNCN: <u>TẠI ĐÂY</u> (xem hướng dẫn tại trang 14-17)	 Bản gốc
Giấy tờ hợp pháp xác minh trách nhiệm nuôi dưỡng (Mẫu 07/XN-NPT-TNCN)	
Căn cước công dân hoặc CMND NPT còn hạn trong 15 năm	 Bản sao y công chứng
Mẫu <u>07/TTLT37_2012</u> hoặc bản tự khai theo Mẫu <u>22_XN_TNCN</u> có xác nhận của UBND cấp xã/phường; HOẶC Phiếu khám bệnh trong vòng 6 tháng có xác nhận của y tế cấp huyện trở lên, có KẾT LUẬN tên BỆNH theo danh mục 42 bệnh hiểm nghèo chi tiết tại Trang 13	

***Độ tuổi lao động: Quy định tại Nghị định 135/2020/NĐ-CP (Xem chi tiết tại trang 10-12)**

Vùng miền	Liên hệ	Địa điểm nộp hồ sơ
Hà Nội	ThuVTH14	Khoang SSC, Tầng 11, FPT Tower - Số 10 Phạm Văn Bạch
Hòa Lạc		Khoang SSC, Tầng 1, F-Ville 2: Liên hệ HangDT2
Đà Nẵng, DPS, Tam Kỳ	HuongPTM1	Khoang SSC, Tầng 3, FPT Complex Building
Quy Nhơn		Khoang Suối Mơ, Tầng 1, Tòa nhà FPT Software, Quy Nhơn: Liên hệ AnhPTH2
TP. Hồ Chí Minh	LoanVTK	F-Town 2: Tầng G, Khu Co-working (10:00-11:20 các ngày thứ 2, 4 & 6): Liên hệ AnNT36
		F-Town 3: Tầng 1, Khoang HR (các ngày trong tuần): Liên hệ LoanVTK
Cần Thơ	TramCTN1	Lễ Tân, Tầng 6 Tòa Nhà Hạnh Phúc, Số 55 đường CMT8, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều

THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ

Nộp hồ sơ

→ Bắt đầu tính GTGC vào kỳ lương tháng đó



Hồ sơ nộp trước 15/12 hàng năm sẽ kê khai cho kỳ Quyết toán thuế TNCN của năm đó



Ngày 08 hàng tháng



Nộp hồ sơ

→ Bắt đầu tính GTGC vào kỳ lương tháng tiếp theo

QUY ĐỊNH VỀ TUỔI NGHỈ HƯU

Căn cứ theo Nghị định 135/2020/NĐ-CP



Lao động nam

Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu	
Tháng	Năm		Tháng	Năm
1	1961	60 tuổi 3 tháng	5	2021
2	1961		6	2021
3	1961		7	2021
4	1961		8	2021
5	1961		9	2021
6	1961		10	2021
7	1961		11	2021
8	1961		12	2021
9	1961		1	2022
10	1961	60 tuổi 6 tháng	5	2022
11	1961		6	2022
12	1961		7	2022
1	1962		8	2022
2	1962		9	2022
3	1962		10	2022
4	1962		11	2022
5	1962		12	2022
6	1962		1	2023
7	1962	60 tuổi 9 tháng	5	2023
8	1962		6	2023
9	1962		7	2023

Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu	
Tháng	Năm		Tháng	Năm
10	1962	60 tuổi 9 tháng	8	2023
11	1962		9	2023
12	1962		10	2023
1	1963		11	2023
2	1963		12	2023
3	1963		1	2024
4	1963	61 tuổi	5	2024
5	1963		6	2024
6	1963		7	2024
7	1963		8	2024
8	1963		9	2024
9	1963		10	2024
10	1963	61 tuổi 3 tháng	11	2024
11	1963		12	2024
12	1963		1	2025
1	1964		5	2025
2	1964		6	2025
3	1964		7	2025
4	1964	61 tuổi 6 tháng	8	2025
5	1964		9	2025
6	1964		10	2025

Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu	
Tháng	Năm		Tháng	Năm
7	1964	61 tuổi 3 tháng	11	2025
8	1964		12	2025
9	1964		1	2026
10	1964	61 tuổi 6 tháng	5	2026
11	1964		6	2026
12	1964		7	2026
1	1965		8	2026
2	1965		9	2026
3	1965		10	2026
4	1965	61 tuổi 9 tháng	11	2026
5	1965		12	2026
6	1965		1	2027
7	1965		5	2027
8	1965		6	2027
9	1965		7	2027
10	1965	62 tuổi	8	2027
11	1965		9	2027
12	1965		10	2027
1	1966	62 tuổi	11	2027
2	1966		12	2027
3	1966		1	2028
Từ tháng 4/1966 trở đi		62 tuổi	Tháng liền kề sau tháng người lao động đủ 62 tuổi	



Lao động nữ

Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu	
Tháng	Năm		Tháng	Năm
1	1966	55 tuổi 4 tháng	6	2021
2	1966		7	2021
3	1966		8	2021
4	1966		9	2021
5	1966		10	2021
6	1966		11	2021
7	1966		12	2021
8	1966		1	2022
9	1966	55 tuổi 8 tháng	6	2022
10	1966		7	2022
11	1966		8	2022
12	1966		9	2022
1	1967		10	2022
2	1967		11	2022
3	1967		12	2022
4	1967		1	2023
5	1967	56 tuổi	6	2023
6	1967		7	2023
7	1967		8	2023
8	1967		9	2023
9	1967		10	2023
10	1967		11	2023

Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu	
Tháng	Năm		Tháng	Năm
11	1967	56 tuổi	12	2023
12	1967		1	2024
1	1968	56 tuổi 4 tháng	6	2024
2	1968		7	2024
3	1968		8	2024
4	1968		9	2024
5	1968		10	2024
6	1968		11	2024
7	1968		12	2024
8	1968		1	2025
9	1968	56 tuổi 8 tháng	6	2025
10	1968		7	2025
11	1968		8	2025
12	1968		9	2025
1	1969		10	2025
2	1969		11	2025
3	1969		12	2025
4	1969		1	2026
5	1969	57 tuổi	6	2026
6	1969		7	2026
7	1969		8	2026
8	1969		9	2026

Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu	
Tháng	Năm		Tháng	Năm
9	1969	57 tuổi	10	2026
10	1969		11	2026
11	1969		12	2026
12	1969		1	2027
1	1970	57 tuổi 4 tháng	6	2027
2	1970		7	2027
3	1970		8	2027
4	1970		9	2027
5	1970		10	2027
6	1970		11	2027
7	1970		12	2027
8	1970		1	2028
9	1970	57 tuổi 8 tháng	6	2028
10	1970		7	2028
11	1970		8	2028
12	1970		9	2028
1	1971		10	2028
2	1971		11	2028
3	1971		12	2028
4	1971		1	2029
5	1971	58 tuổi	6	2029
6	1971		7	2029

QUY ĐỊNH VỀ TUỔI NGHỈ HƯU

Căn cứ theo Nghị định 135/2020/NĐ-CP



Lao động nữ

Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu	
Tháng	Năm		Tháng	Năm
7	1971	58 tuổi	8	2029
8	1971		9	2029
9	1971		10	2029
10	1971		11	2029
11	1971		12	2029
12	1971		1	2030
1	1972	58 tuổi 4 tháng	6	2030
2	1972		7	2030
3	1972		8	2030
4	1972		9	2030
5	1972		10	2030
6	1972		11	2030
7	1972		12	2030
8	1972		1	2031
9	1972	58 tuổi 8 tháng	6	2031
10	1972		7	2031
11	1972		8	2031
12	1972		9	2031
1	1973		10	2031
2	1973		11	2031
3	1973		12	2031
4	1973		1	2032
5	1973	59 tuổi	6	2032

Thời điểm sinh		Tuổi nghỉ hưu	Thời điểm hưởng lương hưu	
Tháng	Năm		Tháng	Năm
6	1973	59 tuổi	7	2032
7	1973		8	2032
8	1973		9	2032
9	1973		10	2032
10	1973		11	2032
11	1973		12	2032
12	1973	59 tuổi 4 tháng	1	2033
1	1974		6	2033
2	1974		7	2033
3	1974		8	2033
4	1974		9	2033
5	1974		10	2033
6	1974		11	2033
7	1974		12	2033
8	1974	59 tuổi 8 tháng	1	2034
9	1974		6	2034
10	1974		7	2034
11	1974		8	2034
12	1974		9	2034
1	1975		10	2034
2	1975		11	2034
3	1975		12	2034
4	1975		1	2035
Từ tháng 5/1975 trở đi		60 tuổi	Tháng liền kề sau tháng người lao động đủ 60 tuổi	

DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO



1. Ung thư	16. Teo cơ tiến triển	30. Bệnh Lupus ban đỏ
2. Nhồi máu cơ tim lần đầu	17. Viêm đa khớp dạng thấp nặng	31. Ghép cơ quan (Ghép tim, Ghép gan, Ghép thận)
3. Phẫu thuật động mạch vành	18. Hoại thư do nhiễm liên cầu khuẩn tan huyết	32. Bệnh lao phổi tiến triển
4. Phẫu thuật thay van tim	19. Thiếu máu bất sản	33. Bỏng nặng
5. Phẫu thuật động mạch chủ	20. Liệt hai chi	34. Bệnh cơ tim
6. Đột quỵ	21. Mù hai mắt	35. Bệnh Alzheimer hay sa sút trí tuệ
7. Hôn mê	22. Mất hai chi	36. Tăng áp lực động mạch phổi
8. Bệnh xơ cứng rải rác	23. Mất thính lực	37. Bệnh rối loạn dẫn truyền thần kinh vận động
9. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ	24. Mất khả năng phát âm	38. Chấn thương sọ não nặng
10. Bệnh Parkinson	25. Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	39. Bệnh chân voi
11. Viêm màng não do vi khuẩn	26. Suy thận	40. Nhiễm HIV do nghề nghiệp
12. Viêm não nặng	27. Bệnh nang tùy thận	41. Ghép tủy
13. U não lành tính	28. Viêm tụy mãn tính tái phát	42. Bại liệt
14. Loạn dưỡng cơ	29. Suy gan	
15. Bại hành tủy tiến triển		

HƯỚNG DẪN ĐIỀN FORM 07/ĐK-NPT-TNCN

Các biểu mẫu đăng ký GTGC: TẠI ĐÂY

(HR Services → Compensation & Benefits → Family Allowances → Family Allowances Templates)

Mẫu số: 07/ĐK-NPT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHU THUỘC

[01] Kỳ tính thuế: Ngày ... tháng ... năm...

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Họ và tên người nộp thuế: Điền đầy đủ họ tên + Account

Xem tại FHU: IDENTITY & PIT INFORMATION → PIT Code

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số thuế người phụ thuộc:

[07] Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (Tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):

Điền chính xác tên công ty (pháp nhân)

[08] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

→ Xem tại myFPT → Chức năng → Tra cứu → Chi nhánh trong nước

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Mã số thuế người phụ thuộc	Thông tin giấy tờ của người phụ thuộc		Ngày sinh người phụ thuộc	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
			Loại giấy tờ: CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS (trường hợp chưa có MST NPT)	Số giấy tờ				
[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1			Điền MST của NPT nếu có (NPT đã từng được đăng ký giảm trừ hoặc phát sinh nghĩa vụ đóng thuế)					
2								

Xem TĐBĐ
phía trên

...								
-----	--	--	--	--	--	--	--	--

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./

Ngày nộp hồ sơ cho SSC

..., ngày ... tháng ... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có) / Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chữ viết tắt: NPT- người phụ thuộc; CMND- Chứng minh nhân dân; CCCD- Căn cước công dân; GKS- Giấy khai sinh.
2. Chỉ tiêu [16]: là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế thay đổi tổ chức trả thu nhập tính giảm trừ NPT hoặc thay đổi người nộp thuế tính giảm trừ NPT thì chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại tổ chức đó hoặc thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại người nộp thuế đó. Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ NPT cho thời gian trước năm hiện tại do thực hiện quyết toán lại những năm trước thì chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tương ứng năm quyết toán trước năm hiện tại.
3. Chỉ tiêu [17]: là thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế chưa xác định được thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT thì bỏ trống. Trường hợp người nộp thuế thay đổi thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT (bao gồm cả trường hợp đã khai hoặc bỏ trống chỉ tiêu [17]) thì người nộp thuế thực hiện khai bổ sung Bản đăng ký người phụ thuộc để cập nhật lại chỉ tiêu [17] theo thời điểm thực tế kết thúc tính giảm trừ NPT.

VÍ DỤ KÊ KHAI FORM 07/DK-NPT-TNCN (DÀNH CHO CBNV THUỘC FSO HN):

Mẫu số: 07/DK-NPT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC

[01] Kỳ tính thuế: Ngày....tháng ... năm...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Họ và tên người nộp thuế:.....Phạm Thị Thảo - Thảo PT.....

[05] Mã số thuế:

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

[06] Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số thuế người phụ thuộc:.....Số 130 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.....

[07] Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc: **Công ty TNHH Phần mềm FPT**

[08] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

0	1	0	1	6	0	1	0	9	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Mã số thuế người phụ thuộc	Thông tin giấy tờ của người phụ thuộc		Ngày sinh người phụ thuộc	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
			Loại giấy tờ: CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS (trường hợp chưa có MST NPT)	Số giấy tờ				
[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1	<u>Phạm Văn Đông</u>	<u>8697801000</u>	<u>CCCD</u>	<u>0123456789</u>	<u>19/15/1960</u>	<u>Bố</u>	<u>10/2022</u>	
2	<u>Lê Ngọc An</u>		<u>GKS</u>	<u>28/2022</u>	<u>29/4/2022</u>	<u>Con</u>	<u>10/2022</u>	
...								

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai/.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có) / Ký điện tử)

Phạm Thị Thảo

Ghi chú:

1. Chữ viết tắt: NPT- người phụ thuộc; CMND- Chứng minh nhân dân, CCCD- Căn cước công dân; GKS- Giấy khai sinh.
2. Chỉ tiêu [16]: là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế thay đổi tổ chức trả thu nhập tính giảm trừ NPT hoặc thay đổi người nộp thuế tính giảm trừ NPT thì chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại tổ chức đó hoặc thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại người nộp thuế đó. Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ NPT cho thời gian trước năm hiện tại do thực hiện quyết toán lại những năm trước thì chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tương ứng năm quyết toán trước năm hiện tại.
3. Chỉ tiêu [17]: là thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế chưa xác định được thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT thì bỏ trống. Trường hợp người nộp thuế thay đổi thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT (bao gồm cả trường hợp đã khai hoặc bỏ trống chỉ tiêu [17]) thì người nộp thuế thực hiện khai bổ sung Bản đăng ký người phụ thuộc để cập nhật lại chỉ tiêu [17] theo thời điểm thực tế kết thúc tính giảm trừ NPT.